TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2024/HS-ST
Ngày: 23/5/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán: Ông **Phạm Năng Thành**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Sự**

Ông **Lê Phú Hợp**.

Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

1.Bị cáo: **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1991**;** Giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi tạm trú: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi ở: Số B, Ngõ D phố T, P.Đ, quận L, TP, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam;Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn Hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Phạm Văn Đ1 và con bà: Nguyễn Thị N, có vợ: Nguyễn Thị Cẩm V, (đã ly hôn) Vợ thứ hai: Phùng Thị T (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2016 (con chung với vợ Nguyễn Thị Cẩm V).Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại trại giam S1- Công an thành phố H, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Duy L, Luật sư Công ty L2 - Đoàn luật sư T8, (có mặt).

Bị hại:

1.Chị Hà Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà C, tổ dân phố T, phường X, TP B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Chị Lê Thị Minh Y, sinh năm 1959; HKTT: Số G N, Đ, Hà Nội, (có mặt).

3. Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1987; HKTT: Tổ B, thị trấn Q, huyện M, Hà Nội (Vắng mặt).

4. Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1971; HKTT: Số D, ngách A đường T, phường P, quận Đ, Hà Nội, (Vắng mặt).

5.Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; HKTT: Xóm T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, Phùng Văn P, sinh năm 1958

6. Trần Công H2, sinh năm 1989; HKTT: Nhang Quê, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở: 118 ngõ A H, N, B, Hà Nội, (Vắng mặt).

7. Dương Thị Thu H3, sinh năm 1965; HKTT: Ấp B, xã P, N, Đồng Nai, (Vắng mặt).

8. Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1961; HKTT: 185, đường C, khu phố C, phường P, quận G, TP .; (Vắng mặt).

9. Phan Thiên D, sinh năm 1968; HKTT: 57 H, phường A, T, TP .; Nơi ở: Lầu G Chung cư B - 590 C, Phường A, Quận C, TP Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

10. Nguyễn Thị H4, sinh năm 1977; HKTT: Thôn M, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

11. Nguyễn Thị H5, sinh năm 1957; HKTT: 51A9, tập thể Q - B, phường N, quận C, Hà Nội; (có mặt).

12. Phạm Văn N2, sinh năm 1962; HKTT: 3 P, phường P, TP H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở: Số E P, phường Q, TP H, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

13.Nguyễn Thị Thúy D1, sinh năm 1967; HKTT: 156 T, phường M, quận C, Hà Nội, (có mặt).

14.Nguyễn Quang D2, sinh năm 1992; HKTT: 37 Đ, phường B, TP T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: P nhà T, khu đô thị T, phường V, quận H, Hà Nội (Vắng mặt).

15. Ông Phùng Văn P, sinh năm 1958; HKTT: 70 B, TP H, tỉnh Hải Dương, (Vắng mặt).

16. Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1962; HKTT: Số B, ngõ C T, TP H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở: 32 khu dân cư M, phường M, TP H, (có mặt).

17. Ông Vũ Quang H6, sinh năm 1947; HKTT: 2 T, Khu A, B, TP H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở: H P, TP H, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

18. Phạm K, sinh năm 1965; HKTT: Tổ A, khu A, phường H, TP H, Quảng Ninh, (Vắng mặt).

19. Bà Bùi Thị N3, sinh năm 1952; HKTổ D, khu D, phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt).

20. Bà Nguyễn Thị Bích N4, sinh năm 1971; HKTT: Số D ngách A ngõ F M, quận H, Hà Nội (có mặt).

21. Ông Nguyễn Quý H7, sinh năm 1948; HKTT: Thôn T, Phường Á, TP H, tỉnh Hải Dương, (vắng mặt).

22. Ông Tống Thế Đ2, sinh năm 1953; HKTT: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, (vắng mặt).

23. Chị Trịnh Thị M, sinh 1984; Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

24.Nguyễn Việt B1, sinh năm 1954; HKTT: Số B C1 Đ, phường H, quận H, TP .; Nơi ở: Số B, ngõ B đường K, P. T, quận H, TP .; (vắng mặt).

25. Bà Nguyễn Anh T3, sinh năm 1971; HKTT: Số nhà D, ngõ A phố G, tổ dân phố G, phường D, TP B, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

26. Bà Đậu Thị H8, sinh năm 1948; HKTT: Số C, đường V, khối T, phường H, TP V, Nghệ An, (vắng mặt).

27. Chị Trịnh Thị D3, sinh năm 1988; HKTT: Căn hộ 21A1, tòa CT2B, khu đô thị M, (vắng mặt).

28. Chị Nguyễn Thị B2, sinh năm 1980; HKTT: Số B ngõ A P, phường P, T, Hà Nội, (vắng mặt).

29. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1972; HKTT: Số F, phố H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, (vắng mặt).

30. Ngô Thị Thu H9, sinh năm 1966; HKTT: A T, Phường C, quận B, TP ., (vắng mặt).

31. Hoàng Thị Xuân D4, sinh năm 1974; HKTT: Tổ A, phường P, quận N, Hà Nội, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 27/3/2017 đến ngày 18/9/2023, ông Phạm Văn N2, trú tai B T, thành phố H, đại diện cho 10 cá nhân cùng nhiều công dân (đã nộp tiền cho Công ty V1) có đơn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Phạm Văn Đ, thông qua việc mua mã cộng tác viên môi giới Bất động sản của Công ty V1.

Ngày 24/2/2023 bà Nguyễn Thị M1 tố cáo Phạm Văn Đ lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng thông qua việc góp vốn vào dự án đầu tư xây dựng trung tâm C2.

Quá trình điều tra xác định:

1 - Hành vi chiếm đoạt số tiền 988.000.000 đồng của 30 người bị hại thông qua việc tuyển cộng tác viên bán Bất động sản.

Khoảng cuối năm 2016, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn mua lại Công ty, sau đó giới thiệu Công ty này có nhiều dự án bất động sản để huy động tiền của các cá nhân có nhu cầu đầu tư. Để tránh bị người khác phát hiện, đòi tiền, Phạm Văn Đ nhờ người khác đứng tên giám đốc. Thực hiện ý định trên Phạm Văn Đ thông qua một Công ty luật (Đ không nhớ thông tin, địa chỉ cụ thể của công ty L2) mua lại Công ty TNHH V1 do chị Đinh Thị T4 (sinh năm 1987, trú tại: Số B, ngách E Ngõ V, phường H, quận Đ, Hà Nội) làm giám đốc với giá 20.000.000 đồng.

Để thực hiện việc chuyển đổi người đại diện theo pháp luật, Đ đặt vấn đề nhờ bà Đặng Thị M2 (sinh năm 1946, trú tại: Thôn V, xã T, thị xã S, Hà Nội) là người quen của Đ đứng danh nghĩa giám đốc công ty. Được sự đồng ý của bà M2, Đ mượn CMND rồi đưa cho công ty luật làm thủ tục chuyển nhượng. Sau đó Đ tự ký giả chữ ký mang tên bà Đặng Thị M2 tại Hợp đồng thanh lý hợp đồng chuyển nhượng công ty và một số thủ tục khác.

Ngày 18/11/2016, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty V1 là bà Đặng Thị M2 làm giám đốc; trụ sở Công ty V1 có địa chỉ tại P, số A L, phường L, quận Đ, Hà Nội (cùng trụ sở công ty D5). Để điều hành hoạt động của công ty V1 dưới danh nghĩa bà Đặng Thị M2, Đ tự ký chữ ký đứng tên bà Đặng Thị M2 và đăng ký sử dụng mẫu chữ ký mang tên bà M2 với các cơ quan chức năng. Sau đó, Đ soạn Giấy ủy quyền với nội dung: Bà M2 ủy quyền cho Phạm Văn Đ điều hành mọi hoạt động của Công ty V1; sử dụng con dấu công ty, con dấu chữ ký của bà Đặng Thị M2.

Sau khi mua lại công ty V1, để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư khi góp vốn, Đ lên mạng internet vào trang web của một số doanh nghiệp bất động sản như tập đoàn F, tập đoàn V2 …. tải các hình ảnh về các dự án của các tập đoàn này vào máy vi tính. Sau đó ra cửa hàng I, thuê người chèn nội dung vào các hình ảnh thể hiện công ty V1 là chủ đầu tư hoặc liên kết đầu tư các dự án đó rồi in thành nhiều cuốn C (Đ không nhớ thông tin, địa chỉ của cửa hàng I và số tiền Đ đã đặt in các cuốn Catalog), cụ thể:

- Đăng ảnh đăng ký kinh doanh của Công ty V1, thể hiện bà M2 là người điều hành theo pháp luật của công ty và giới thiệu sơ bộ về Công ty V1.

- Đăng hình ảnh chụp các dự án bất động sản và bên trên là dòng chú thích về việc Công ty V1 là chủ đầu tư hoặc doanh nghiệp phân phối các dự án bất động sản, như:

+ Chủ đầu tư khu du lịch sinh thái Bình Yên, địa chỉ: Xã B, huyện T, Hà Nội. Tổng mức đầu tư 100 tỷ đồng, dự án đang chờ thẩm tra.

+ Chủ đầu tư khu dịch lịch - dịch vụ sinh thái S2, địa chỉ: Đồi G, S, S, Hà Nội. Tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng, dự án đã giải phóng mặt bằng, trong giai đoạn điều chỉnh lại quy hoạch.

+ Chủ đầu tư dự án khu nhà ở thấp tầng M, địa chỉ: đường N, phường X, quận T, Hà Nội.

+ Đầu tư, mua 20 lô biệt thự, tổng giá trị 300 tỷ đồng tại Dự án FLC H, tỉnh Quảng Ninh.

+ Đầu tư, mua 50 lô biệt thự, trị giá 450 tỷ đồng tại Dự án L, B quốc lộ C, huyện H, Hà Nội.

+ Đầu tư, mua 10 lô biệt thự nhà vườn và 02 lô đất 6.000 m^2, trị giá 200 tỷ đồng tại dự án FLC S, xã Q, TP ., tỉnh Thanh Hóa.

+ Mua 09 lô biệt thự, trị giá 200 tỷ đồng tại Dự án Vinhomes Green B3, đại chỉ: Đại Lộ T, quận N, Hà Nội.

+ Phân phối dự án Eco V, địa chỉ: Xã Đ, tỉnh Hòa Bình.

+ Phân phối dự án Vinhomes S Lake P, quận N, Hà Nội.

Sau đó Đ tiếp tục soạn thảo văn bản thể hiện nội dung: "*Chương trình tuyển cộng tác viên bán bất động sản*", theo hình thức đa cấp. Mỗi cộng tác viên khi tham gia nhận được một mã **ID** với phí tham gia 3.500.000 đồng. Để tạo niềm tin cho những người tham gia, sau khi nộp tiền thì công ty ký một hợp đồng cộng tác viên môi giới bất động sản.

Để giới thiệu các dự án của công ty V1, cách thức hoạt động và hình thức trả thưởng khi tham gia cộng tác viên, Đ nhờ Nguyễn Hồng H10 là người đứng tên cổ phần vốn góp tại công ty D5 do Đ làm giám đốc, từng là nhân viên môi giới bất động sản cho một số doanh nghiệp bất động sản, thuyết trình về các dự án của công ty V1 theo nội dung trong cuốn Catalog (Khi những cá nhân có nhu cầu đầu tư đến công ty, mỗi người được nhận cuốn Catalog, trong đó in các dự án của công ty V1). Sau đó Trần Mạnh T5 (sinh năm 1970, trú tại: Phòng F, tòa nhà B, số A Đê L, phường N, quận B, Hà Nội) là người có kinh nghiệm kinh doanh sản phẩm theo mô hình đa cấp, đứng ra thuyết trình về mô hình góp vốn, tham gia trả thưởng của công ty V1. Mỗi người tham gia được nhận tài liệu là "*Chương trình tuyển cộng tác viên bán bất động sản*", thể hiện nội dung:

- Phí tham gia 3.500.000 đồng; quyền lợi khi trở thành cộng tác viên của Công ty cụ thể: Được cung cấp tài liệu, kiến thức và được đào tạo về Bất động sản; Được tham gia vào phòng kinh doanh được quyền bán tất cả các dự án bất động sản của công ty;

Được tham gia vào các quỹ thưởng Bất động sản của toàn Công ty như sau: 01 cộng tác viên vào sau bạn, công ty thưởng cho bạn 300.000 đồng; 02 cộng tác viên vào sau bạn được thưởng 300.000 đồng, bạn được thưởng 700.000 đồng; 03 cộng tác viên vào sau bạn được thưởng 700.000 đồng, bạn được thưởng 2.000.000 đồng; 04 cộng tác viên vào sau bạn được thưởng 700.000 đồng, bạn được thưởng 9.000.000 đồng. Sau khi được nhận thưởng lần 4 bạn trích 4.000.000 đồng ủng hộ quỹ thưởng của Công ty.

Ngoài việc nhờ H10 và T5 giới thiệu trực tiếp về công ty V1, Đ còn lập trang web viettek3d.com để người tham gia có thể truy cập, tìm hiểu về công ty V1.

Với thủ đoạn nêu trên, từ ngày 22/11/2016 đến ngày 17/01/2017 đã có 30 người tham gia cộng tác viên và chuyển tiền vào tài khoản số 00451000388338 của Công ty V1 mở tại Ngân hàng V3, với tổng số tiền là 988.000.000 đồng. Sau khi các cá nhân nộp tiền, Đ đã trả một phần tiền thưởng cho các cá nhân, cụ thể:

TT	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền nộp	Số tiền đã trả lại
1	Phạm Văn Nhâm		60,000,000	6,000,000
2	Phùng Văn Phan		9,000,000	900,000
3	Vũ Thị Tuyến		90,000,000	9,000,000
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc		90,000,000	9,000,000
5	Vũ Quang Hòa		18,000,000	1.800,000
6	Tống Thế Đăng		3,000,000	0
7	Nguyễn Quý Hính		3,000,000	0
8	Nguyễn Thị Thúy Dung		60,000,000	6,000,000
9	Lê Thị Minh Yến		120.000.000	26.050.000
10	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		30.500.000	3.000.000
11	Dương Thị Thu Hà		24.500.000	6.000.000
12	Phan Thiên Dung		30.500.000	4.500.000
13	Ngô Thị Thu Hoa		3.500.000	0
14	Nguyễn Quang Dũng		24.000.000	2.400.000
15	Nguyễn Việt Bình		105.000.000	6.000.000
16	Nguyễn Thị Thủy		22.000.000	2.200.000
17	Nguyễn Thị Hồng		3.500.000	350.000
18	Trịnh Thị Minh		12.000.000	1.200.000

19	Phạm Khánh		15.000.000	1.500.000
20	Nguyễn Anh Thơ		3.500.000	0
21	Bùi Thị Nguyệt		6.000.000	600.000
22	Đậu Thị Hương		3.000.000	0
23	Hà Thị Hằng		95.000.000	0
24	Lê Thị Ngọc Bích		36.000.000	3.600.000
25	Hoàng Thị Xuân Dung		3.500.000	0
26	Đinh Thị Huệ		40.000.000	0
27	Trịnh Thị Dung		11.000.000	0
28	Trần Công Hưng		30.000.000	3.000.000
29	Nguyễn Thị Huế		30.000.000	3.000.000
30	Nguyễn Thị Bốn		3.500.000	350.000
31	Lâm Hồng Nhung		3.000.000	300.000
32	Nguyễn Văn Xuân		6.000.000	600.000
33	Nông Văn Chính		3.500.000	350.000
		Tổng	1.003.500	106.700.00

Sau khi các bị hại chuyển tiền vào tài khoản Công ty V4, Đ nhờ Đỗ Thu H11 đem séc rút tiền mặt do Đ tự ký tên bà Đặng Thị M2 ra ngân hàng rút tiền rồi đem về đưa lại cho Đ. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, Đ sử dụng một phần để trả % cho chính các nhà đầu tư, số còn lại Đ chi tiêu cá nhân hết, đến cuối năm 2016 Đ không trả tiền hoa hồng cho người nộp tiền như đã cam kết, nên một số người đã nhiều lần tìm đến trụ sở công ty V1 yêu cầu Phạm Văn Đ trả tiền, nhưng Đ trốn tránh, khất lần không trả.

*** Cơ quan điều tra đã thu giữ:**

- Giấy đề nghị mở tài khoản tổ chức số 9053776 ngày 22/11/2016 (ký hiệu A1) và 14 tờ séc (ký hiệu A2)

Ngày 09/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định tài liệu đối với chữ viết, chữ ký của bà Đặng Thị M2, Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thu H11 trên Giấy đề nghị mở tài khoản của Công ty V1 và 14 tờ Séc rút tiền mặt tại ngân hàng V3 chi nhánh T9.

*** Tại kết luận giám định số: 6568/KLGĐ - PC54 (Đ4), ngày 28/11/2017 của Phòng K1 - Công an T kết luận:**

- Chữ viết dưới mục "Người được ủy quyền giao dịch tại NH" trên "Giấy đề nghị mở tài khoản tổ chức" (ký hiệu A1) đối với tài khoản số 0451000388338 của Công ty V1; Chữ viết phần nội dung tại mặt trước, chữ viết: "Phần khách hàng lĩnh tiền mặt" tại mặt sau trên 14 tờ Séc (ký hiệu A2-A15) đề nghị rút tiền mặt với ***chữ viết của Đỗ Thu H11 trên tài liệu mẫu so sánh là chữ do một người cùng viết ra.***

- Chữ viết tại mặt trước, chữ viết dưới mục "Chữ ký của chủ tài khoản và người được ủy quyền" và mục "Chữ ký của kế toán và người được ủy quyền"; Chữ viết dòng họ tên "Đặng Thị M2" dưới mục "Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu" tại mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết dòng họ tên "Đặng Thị M2" dưới mục " Người ký phát" trên các tài liệu cần giám định (07 tờ Séc đề nghị rút tiền mặt có ký hiệu từ A9 đến A15) với chữ viết **Phạm Văn Đ** trên tài liệu mẫu so sánh (M3, M4) ***là do Phạm Văn Đ viết ra.***

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đặng Thị M2, Đào Thị L1, Đỗ Thu H11, trên các tài liệu cần giám định là Giấy đề nghị mở tài khoản tổ chức và 14 tờ Séc là chữ ký do ai trong số những người có mẫu chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Văn Đ, Đặng Thị M2, Đào Thị L1, Đỗ Thu H11 trên các tài liệu mẫu so sánh ký ra.

*** Cơ quan điều tra xác minh kết quả:**

- Công ty CP F, Công ty CP P1 xác định không bán dự án hay căn hộ nào cho Công ty V1.

- Công ty CP Đ3 không hợp tác dự án nào với Công ty V1.

- Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa bàn quận T, thị xã S và huyện T, Hà Nội xác định Công ty V1 không triển khai dự án nào tại các địa phương này.

- **Xác minh tại Ngân hàng V3** xác định: Hồ sơ mở tài khoản số 0451000388338 tại ngân hàng V3 - chi nhánh T9 mang tên bà B4 Đặng Thị M2 - Giám đốc Công ty V1; Có 34 trường hợp chuyển tiền vào tài khoản Công ty V1, nội dung ghi "Mua mã", với tổng số tiền là 1.079.000.000 đồng; Từ ngày 01/12/2016 đến ngày 03/01/2017, Đỗ Thu H11 đã 14 lần sử dụng Séc rút tiền mặt của công ty V1, rút số tiền 1.079.000.000đ từ tài khoản công ty của công ty V1.

*** Đối với những người liên quan:**

- **Bà Đặng Thị M2** - Giám đốc công ty V1 khai: Do tin tưởng Phạm Văn Đ nên đã đồng ý đứng tên danh nghĩa giám đốc công ty V1. Bà M2 khẳng định không biết gì về hoạt động công ty

V1, không thu tiền của ai và không được hưởng lợi gì từ việc đứng tên trên do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Chị Đỗ Thu H11 - Kế toán công ty V1 khai: Tháng 8/2016, chị H11 được Phạm Văn Đ ký hợp đồng lao động làm nhân viên hành chính Công ty D5, với mức lương là 7.000.000đ/tháng. Đến cuối năm 2016, Đ giao nhiệm vụ cho H11 làm kế toán, theo dõi sổ sách và danh sách người nộp tiền vào Công ty V1. Chị H11 chỉ biết Công ty do bà Đặng Thị M2 làm giám đốc (thông qua các giấy tờ ký tên bà M2), chưa được gặp bà M2 bao giờ, không biết rõ hoạt động của công ty V1. H11 thừa nhận có nhiều lần được Phạm Văn Đ đưa cho séc rút tiền mặt để H11 ra ngân hàng rút tiền. Sau khi rút tiền H11 đưa hết cho Phạm Văn Đ. Ngoài tiền lương được hưởng, H11 không được hưởng khoản tiền gì khác. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Anh Nguyễn Hồng H10 khai: Do có quan hệ từ trước nên khi được Đ nhờ đứng tên danh nghĩa cổ phần Công ty D6 đã đồng ý. Đến tháng 11/2016, Đ có nhờ giới thiệu về các dự án bất động sản của công ty V1 theo nội dung cuốn Catalog mà Đ đưa cho H10 xem. Do tin tưởng Công ty V1 có dự án thật, nên từ cuối tháng 11/2016 đến cuối tháng 12/2016, H10 đã thuyết trình cho 03 nhóm khách hàng (mỗi nhóm khoảng 10 người). Đến đầu năm 2017, thấy công ty D5 và công ty V1 không có hoạt động kinh doanh gì, H10 đã chủ động xin nghỉ việc. H10 không được hưởng gì trong số tiền mà các công tác viên nộp cho Đ. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Anh Trần Mạnh T5 khai: Cuối năm 2016, vợ của ông T5 là chị Nguyễn Hải A (sinh năm 1974, trú tại: Phòng F, tòa nhà B, số A Đê L, phường N, quận B, Hà Nội) được Đỗ Thu H11 giới thiệu về việc công ty V1 có nhiều dự án bất động sản đang cần huy động vốn. Sau đó chị Hải A đã cho Công ty V1 vay số tiền 300.000.000 đồng, hàng tháng công ty trả lãi số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi biết vợ cho công ty V1 vay tiền, anh T5 đã đến gặp Phạm Văn Đ để hỏi về hoạt động của công ty. Qua trao đổi, Đ biết anh T5 từng tham gia chào bán các sản phẩm của một số công ty kinh hoạt động theo mô hình đa cấp nên đã nhờ anh T5 giới thiệu với những người tham gia nộp tiền về mô hình kinh doanh và trả lãi của công ty V1. Do tin tưởng các dự án được ghi trên C là thật nên từ cuối tháng 11/2016 đến đầu tháng 12/2016, anh T5 cùng với H10 đã thuyết trình về mô hình trả lãi của công ty V1 cho khoảng 03 nhóm người đến tham gia nộp tiền (mỗi nhóm khoảng 10 người). Ngoài ra anh T5 cũng giới thiệu cho bà Nguyễn Thị Lê Y1 và Dương Thị Thu H3 về công ty V1 để họ đầu tư vào công ty V1, còn cụ thể bà Y1 và H3 tham gia nộp tiền như thế nào, T5 không biết. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, những người tham gia ký hợp đồng cộng tác viên môi giới bất động sản và nộp tiền vào tài khoản công ty V1 đều khai: Do tin tưởng dự án là có thật nên đã đầu tư.

Lời khai của các cá nhân này phù hợp với lời khai của bị can Phạm Văn Đ, người liên quan và tài liệu chứng cứ khác.

Bị can Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập. Đ khẳng định không có bàn bạc gì với bà M2, anh H10 anh T5 và H11 hay ai khác trong việc đưa ra thông tin gian dối về việc công ty V1 có nhiều dự án để chiếm đoạt tiền của các nhà đầu tư. Số tiền chiếm đoạt, Đ sử dụng một phần để trả lãi cho chính người nộp, số tiền còn lại Đ sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Quá trình điều tra, gia đình bị can Đ đã nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H 650.300.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị can Phạm Văn Đ.

Ngoài ra, quá trình điều tra ông Lại Duy T6 (sinh năm 1971, trú tại: Số E phố V, quận T, Hà Nội) gửi đơn tố cáo Phạm Văn Đ chiếm đoạt 60.000.000 đồng bằng hình thức tuyển cộng tác viên môi giới Bất động sản. Tuy nhiên ngoài lời khai về việc đưa tiền, ông T6 không cung cấp được tài liệu nào khác chứng minh việc Đ nhận tiền của ông T6. Việc đưa tiền không có ai làm chứng. Phạm Văn Đ và Đỗ Thu H11 – kế toán không nhớ có nhận tiền của ông T6 hay không. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an T không đủ căn cứ kết luận việc Phạm Văn Đ chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ của ông Lại Duy T6.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.085.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị M1.

Tháng 8/2016, Phạm Văn Đ mua lại Công ty TNHH D5 (gọi tắt là công ty D5) do ông Tạ Châu S (sinh năm 1980, trú tại: Tổ C, phường T, quận T, Hà Nội) làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Sau khi mua lại công ty D5, để làm thủ tục đăng ký thay đổi thành viên góp vốn, Phạm Văn Đ nhờ người quen là Đào Văn M3 (sinh năm 1983, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn) và Nguyễn Hồng H10 (sinh ngày 25/11/1983, trú tại: Xóm N, xã S, huyện H, Hà Nội) đứng tên cổ phần, vốn góp của công ty (thực tế Đào Văn M3 và Nguyễn Hồng H10 không bỏ tiền góp vốn). Ngày 07/9/2016, Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 3 cho công ty D5, người đại diện theo pháp luật là Phạm Văn Đ - Giám đốc công ty. Đ thuê chị Đỗ Thu H11 (sinh năm 1980, trú tại: Ô, lô F, tổ G Đền L, phường H, quận H, Hà Nội) làm nhân viên văn phòng và phụ trách kế toán của Công ty D5. Sau khi Đ mua lại công ty D5 không có hoạt động kinh doanh gì.

Năm 2016 thông qua Trần Mạnh T5, Phạm Văn Đ quen biết bà Nguyễn Thị M1. Khi gặp bà M1, Đ giới thiệu là giám đốc Công ty TNHH D5, trụ sở tại: P, tòa nhà A L, phường L, quận Đ, Hà Nội. Đ giới thiệu Công ty D5 có nhiều Công ty con, trong đó có Công ty TNHH V1 (viết tắt là Công ty V1). Công ty V1 là chủ đầu tư cũng như liên kết đầu tư thực hiện nhiều dự án lớn. Để tạo

niềm tin cho bà Nguyễn Thị M1, Phạm Văn Đ đưa cho bà M1 xem 01 quyển Catalog, trong đó có các hình ảnh thể hiện công ty V1 là chủ đầu tư nhiều dự án. Đ nói với bà M1 là thời gian tới, Công ty V4 sẽ triển khai dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng Hà Nội tại địa bàn phường X, quận B, Hà Nội, dự án sẽ phát triển sinh lời cao. Nếu chị M1 có tiền thì góp vốn và Đ cam kết hàng tháng sẽ trả cho chị M1 15% số tiền góp vốn. Bà M1 tin là thật nên đồng ý góp vốn. Ngày 12/01/2017 Đ hẹn bà M1 đến Văn phòng giao dịch của Công ty V1 địa chỉ tại Tòa nhà A L, quận Đ, Hà Nội, tại đây bà M1 đã nộp cho Đ 1.000.000.000 đồng. Đ tự viết phiếu thu đưa cho chị M1, phiếu thu, có chữ ký đóng dấu của bà Đặng Thị M2 – Giám đốc Công ty TNHH V1 tại mục "Thủ trưởng đơn vị" và Đ ký vào mục "Người lập". Đ đưa cho chị M1 01 "Hợp đồng góp vốn" số 0001/HĐGV ngày 12/01/2017 có nội dung: Nguyễn Thị M1 giao cho Công ty V1 số tiền 1.000.000.000 đồng để góp vốn vào dự án Đầu tư xây dựng trung tâm C2 do Công ty V1 làm chủ đầu tư, hàng tháng bà M1 được hưởng 15% số tiền góp vốn. Đ cam kết sau 09 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền chị M1 đã nộp, nhưng sau đó Đ không thực hiện như đã hứa mà chỉ trả lại cho bà M1 100.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ chiếm đoạt chi tiêu cho mục đích cá nhân.

Ngoài ra ngày 22/11/2016 bà M1 đã nhờ anh Bùi Trọng H12 và chị Nguyễn Thị B5 (sinh năm 1966, trú tại: A L, phường N, TP B, tỉnh Bắc Ninh) – là chị gái bà M1 đứng tên để chuyển khoản vào Công ty V1 số tiền là 85.000.000 đồng đã trả chị 8.500.000 đồng. Tổng số tiền Đ đã chiếm đoạt của bà M1 là 1.085.000.000 đồng, bị cáo đã trả cho bà M1 108.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bà M1 đề nghị Cơ quan Điều tra yêu cầu Phạm Văn Đ phải trả cho bà số tiền là 976.500.000 đồng và xử lý bị cáo Đ theo quy định của pháp luật.

*** Cơ quan điều tra thu giữ:**

Ngày 02 tháng 5/2023 bà Nguyễn Thị M1 giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 "Hợp đồng góp vốn" số: 0001/HĐGV ngày 12/01/2017 và 01 phiếu thu ngày 12/01/2017 có nội dung bà M1 đã nộp cho Phạm Văn Đ 01 tỷ đồng.

Ngày 09/05/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định tài liệu đối với chữ viết, chữ ký trên Hợp đồng do bà M1 giao nộp.

*** Tại kết luận giám định số: 3320 /KLGĐ - PC54 (Đ4), ngày 29/5/2023 của Phòng K1 - Công an T kết luận:**

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên viết dòng họ tên Phạm Văn Đ dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (trên phiếu thu ngày 12/1/2017) (ký hiệu A1); Chữ viết dòng họ tên "Tôi là Phạm Văn Đ cam

kết trả lãi thế chấp lại cho bà M1" chữ ký Phạm Văn Đ trên Hợp đồng số 0001/HĐGV ngày 12/01/2017 (ký hiệu A2) ***là do Phạm Văn Đ ký và viết ra.***

Tại Cơ quan Điều tra:

- Bị cáo Phạm Văn Đ thành khẩn khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị M1

- Trần Mạnh T5 khai: T5 là người đã giới thiệu cho bà Nguyễn Thị M1 về Công ty V1 (T5 là người được Đ thuê để giới thiệu mô hình trả thưởng của Công ty V1). Sau đó bà M1 đã đến Công ty V1, gặp và cùng bàn bạc thỏa thuận với Phạm Văn Đ. Giữa bà M1 và Đ trao đổi cụ thể như thế nào Trần mạnh T7 không biết. Khi bà M1 nộp số tiền 01 tỷ đồng cho Phạm Văn Đ, T7 cùng một số nhân viên công ty (T7 không nhớ cụ thể những ai) chứng kiến việc nhận tiền của Đ. Do tin tưởng Đ nói về dự án là có thật nên đã thuyết trình giúp cho Đ. Mặt khác T7 không có sự bàn bạc, trao đổi thỏa thuận gì với Phạm Văn Đ liên quan đến việc chiếm đoạt tiền của các bị hại, không được hưởng lợi gì trong số tiền Đ chiếm đoạt nên không đồng phạm với Phạm Văn Đ.

Đối với Đỗ Thu H11 là người được Đ giao nhiệm vụ theo dõi sổ sách kế toán và ra ngân hàng rút tiền đem về đưa cho Phạm Văn Đ. Xét thấy H11 chỉ là nhân viên, làm công ăn lương, không tham gia bàn bạc, không thỏa thuận và không được hưởng lợi gì trong số tiền Phạm Văn Đ chiếm đoạt. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cáo trạng số: 41/CT-VKS-P3 ngày 24/1/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn Đ.

Tội danh: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 13 năm tù đến 14 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn Đ trả lại tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo danh sách bản Cáo trạng.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục 1 phần thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, gia đình có hoàn cảnh khó khăn,

B6 tham gia kháng chiến, mẹ già yếu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

***[2].Về nội dung**:*

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2016, Phạm Văn Đ mua lại công ty V1 nhằm mục đích sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Công ty V1 không có dự án cũng như không liên danh liên kết với bất kỳ chủ đầu tư dự án nào, nhưng Phạm Văn Đ vẫn đưa ra thông tin gian dối về việc Công ty V1 là chủ đầu tư cũng như liên kết đầu tư thực hiện nhiều dự án lớn. Đ còn cho bị hại xem quyển Catalog có các hình ảnh thể hiện công ty V1 là chủ đầu tư nhiều dự án để lôi kéo các bị hại nộp tiền phí tham gia cộng tác viên bán bất động sản. Trong thời gian từ ngày 22/11/2016 đến ngày 17/01/2017 Phạm Văn Đ nhận của 33 người bị hại với số tiền 1.003.500.000đồng. Kết quả điều tra đã đủ cơ sở kết luận Phạm Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt của 33 người bị hại (có danh sách nêu trên). Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập tuy nhiên đến nay chỉ có 30/33 cá nhân đến làm việc và có yêu cầu bồi thường với tổng số tiền là 878.950.000đồng, còn 03 cá nhân không đến Cơ quan điều tra làm việc gồm có (anh Nông Văn C1, chị Lâm Hồng N5 và anh Nguyễn Văn X). Đối với 3/33 bị hại với số tiền bị chiếm đoạt là 12.500.000 đồng (đã trả 1.250.000đ) chưa có mặt khi đã được Cơ quan điều tra triệu tập, đối với những người bị hại này khi có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tháng 8/2016, Phạm Văn Đ mua lại Công ty TNHH D5. Năm 2016, Đ quen biết bà Nguyễn Thị M1. Mặc dù công ty D5 không có hoạt động kinh doanh gì nhưng Đ giới thiệu với bà M1 là

công ty D5 có nhiều Công ty con, trong đó có Công ty TNHH V1. Công ty V1 là chủ đầu tư cũng như liên kết đầu tư thực hiện nhiều dự án lớn, sắp tới sẽ triển khai dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng Hà Nội, dự án sẽ phát triển và sinh lời cao. Nếu bà M1 góp vốn thì hàng tháng sẽ trả cho bà M1 15% số tiền góp vốn. Tin là thật, ngày 22/11/2016 và 12/01/2017, bà M1 đã nộp cho Đ 1.085.000.000 đồng, Đ đã trả cho bà M1 108.500.000 đồng.

Tổng số tiền Phạm Văn Đ chiếm đoạt của 34 người bị hại là 2.088.500.000 đồng, sau đó dùng 216.200.000 đồng để trả thưởng, trả lợi nhuận cho chính người nộp. Quá trình điều tra bị cáo Đ đã nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục cho các bị hại số tiền 650.300.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với các bị hại nên phải chịu tình tiết tặng nặng phạm tội từ 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã nộp tiền để bồi thường thiệt hại. bị cáo lần đầu phạm tội nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

[2.2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về nghĩa vụ hoàn trả:

Bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại nên phải hoàn trả lại cho các bị hại số tiền đã nhận của các bị hại, số tiền bị cáo đã trả các bị hại được đối trừ.

Theo Sao kê tài khoản bút lục số 763 bà Nguyễn Thị Minh N1 nộp 30.500.000đ xác định bà N1 nộp 30.500.000đ.

Căn cứ sao kê anh Trần Công H2 nộp cho anh Nguyễn Quang D2 và anh H2 tổng cộng 54.000.000đ (tên anh D2 nộp 24.000.000đ đã nhận 2.400.000đ, tên anh H2 nộp 30.000.000đ đã nhận 3.000.000đ)

Bà Dương Thị Thu H3 nộp 24.500.000đ đã nhận 15.000.000đ bà H3 yêu cầu trả lại 9.500.000đ xác định nợ bà H3 9.500.000đ (bút lục 1066B).

Anh Tống Thế Đ2 và ông Nguyễn Quý H7 theo lời khai (bút lục 945, 953) khai đã nộp mỗi người là 3.000.000đ, chưa nhận lại được khoản tiền nào nên xác định Đ chưa trả cho anh Đ2 và ông H7 nên phải có nghĩa vụ trả mỗi người 3.000.000đ.

Xác định bị cáo còn phải trả các bị hại số tiền sau:

TT	**Họ tên**	**Địa chỉ**	**Số tiền nộp (VNĐ)**	**Số tiền đã trả lại (VNĐ)**	**Số Tiền chưa trả (VNĐ)**
1	Phạm Văn Nhâm	.....	60.000.000	6.000.000	54.000.000
2	Phùng Văn Phan	.....	9.000.000	900.000	8.100.000
3	Vũ Thị Tuyến		9.000.000	900.000	81.000.000
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	.....	9.000.000	900.000	81.000.000
5	Vũ Quang Hòa		18.000.000	1.800.000	16.200.000
6	Tống Thế Đăng	.....	3,000,000	0	3.000.000
7	Nguyễn Quý Hính		3.000.000	0	3.000.000
8	Nguyễn Thị Thúy Dung	.....	60.000.000	6.000.000	54.000.000
9	Lê Thị Minh Yến		120.000.000	26.050.000	93.950.000
10	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	.....	30.500.000	3.000.000	27.500.000
11	Dương Thị Thu Hà		24.500.000	6.000.000	9.500.000
12	Phan Thiên Dung	.....	30.500.000	4.500.000	26.000.000
13	Ngô Thị Thu Hoa		3.500.000	0	3.500.000
14	Nguyễn Quang Dũng	.....	24.000.000	2.400.000	21.600.000

15	Nguyễn Việt Bình		105.000.000	6.000.000	99.000.000
16	Nguyễn Thị Thủy	.....	22.000.000	2.200.000	19.800.000
17	Nguyễn Thị Hồng		3.500.000	350.000	3.150.000
18	Trịnh Thị Minh	.....	12.000.000	1.200.000	10.800.000
19	Phạm Khánh		15.000.000	1.500.000	13.500.000
20	Nguyễn Anh Thơ	.....	3.500.000	0	3.500.000
21	Bùi Thị Nguyệt	.....	6.000.000	600.000	5.400.000
22	Đậu Thị Hương		3.000.000	0	3.000.000
23	Hà Thị Hằng	.....	95.000.000	0	95.000.000
24	Lê Thị Ngọc Bích		36.000.000	3.600.000	32.400.000
25	Hoàng Thị Xuân Dung	.....	3.500.000	0	3.500.000
26	Đinh Thị Huệ		40.000.000	0	40.000.000
27	Trịnh Thị Dung	.....	11.000.000	0	11.000.000
28	Trần Công Hưng		30.000.000	3.000.000	27.000.000
29	Nguyễn Thị Huế	.....	30.000.000	3.000.000	27.000.000
30	Nguyễn Thị Bốn		3.500.000	350.000	3.150.000
Tổng			985.000.000	105.450.000	879.550.000

Ngoài ra Phạm Văn Đ đã chiếm đoạt của bà M1 là 1.085.000.000 đồng, bị cáo đã trả cho bà M1 108.500.000 đồng, Phạm Văn Đ phải trả cho bà số tiền là 976.500.000 đồng

Ghi nhận bị cáo Phạm Văn Đ đã nộp số tiền 650.300.000 đồng để khắc phục thiệt hại được đối trừ.

Đối với các anh Nông Văn C1, chị Lâm Hồng N5 và anh Nguyễn Văn X đã được Cơ quan điều tra triệu tập nhưng không có mặt không xác định hiện ở đâu, đối với những người bị hại này khi có yêu cầu về dân sự sẽ được xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và phải bồi thường nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Căn cứ**: Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Phạt bị cáo Phạm Văn Đ 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/3/2022.

[2]. **Các biên pháp tư pháp**: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Văn Đ hoàn trả cho các bị hại số tiền chưa trả theo danh sách sau :

TT	Họ tên bị hại	Địa chỉ	Số tiền nộp (VNĐ)	Số tiền đã trả lại (VNĐ)	Tiền chưa trả (VNĐ)
1	Phạm Văn Nhâm	20 Trần Hưng Đạo, TP Hải Dương, Hải Dương.	60.000.000	6.000.000	54.000.000
2	Phùng Văn Phan	Số 79 Bùi Thị Cúc, TP Hải Dương, Hải Dương	9.000.000	900.000	8.100.000
3	Vũ Thị Tuyến	Số 32 khu dân cư mới Nam Lê Hồng Phong, TP Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.	9.000.000	900.000	81.000.000
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Số 41/12/624 Minh Khai, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	9.000.000	900.000	81.000.000
5	Vũ Quang Hòa	20/38 Tuệ Tĩnh, phường Bình Hàn, TP Hải Dương, Hải Dương	18.000.000	1.800.000	16.200.000
6	Tống Thế Đăng	Thôn Cổ Pháp, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	3,000,000	300,000	2.700.000
7	Nguyễn Quý Hính	Tiền Trung, Phường Ái Quốc, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	3.000.000	300.000	2.700.000
8	Nguyễn Thị Thúy Dung	156 Trần Vỹ, phường Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	60.000.000	6.000.000	54.000.000
9	Lê Thị Minh Yến	Số 7, 104 Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội	120.000.000	26.050.000	93.950.000
10	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	185, khu phố 3, phường Phú Mỹ, quận 7, HCM	30.500.000	3.000.000	27.500.000

11	Dương Thị Thu Hà	Ấp Bến Cam, xã Phước Thiên, Nhơn Trạch, Đồng Nai	24.500.000	6.000.000	9.500.000
12	Phan Thiên Dung	57 Hoàng Kế Viên, phường 12, Tân Bình, Hồ Chí Minh	30.500.000	4.500.000	26.000.000
13	Ngô Thị Thu Hoa	Phường 3, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	3.500.000	0	3.500.000
14	Nguyễn Quang Dũng	Phòng 3105 nhà T2, khu đô thị TimeCity, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	24.000.000	2.400.000	21.600.000
15	Nguyễn Việt Bình	Số 21 C1 Đền Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, Hà Nội	105.000.000	6.000.000	99.000.000
16	Nguyễn Thị Thủy	Xóm Tây, xã Yên Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	22.000.000	2.200.000	19.800.000
17	Nguyễn Thị Hồng	51A9, tập thể Quân đội, Bắc Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy	3.500.000	350.000	3.150.000
18	Trịnh Thị Minh	Thôn Nghè 3, xã Tiên Nha, Lục Nam, Bắc Giang	12.000.000	1.200.000	10.800.000
19	Phạm Khanh	Tổ 10, khu 1, phường Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh.	15.000.000	1.500.000	13.500.000
20	Nguyễn Anh Thơ	45, ngõ 165 Giáp Hải, tổ dân phố Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, Bắc Giang	3.500.000	0	3.500.000
21	Bùi Thị Nguyệt	Tổ 4, khu 4, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	6.000.000	600.000	5.400.000
22	Đậu Thị Hương	32 đường Vĩnh Yên, khối Trường Tiến, Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ An	3.000.000	0	3.000.000
23	Hà Thị Hằng	nhà 35 TDP Thành Bắc, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	95.000.000	0	95.000.000
24	Lê Thị Ngọc Bích	Tổ 2 Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội	36.000.000	3.600.000	32.400.000
25	Hoàng Thị Xuân Dung	Tổ 1 phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.500.000	0	3.500.000
26	Đinh Thị Huệ	Số 4, ngách 102/96 Trường Chinh, phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	40.000.000	0	40.000.000

27	Trịnh Thị Dung	Căn hộ 21A1, tòa nhà CT2B khu đô thị Xuân Phương, tổ 8, phường Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	11.000.000	0	11.000.000
28	Trần Công Hưng	khu Nhang Quế, xã Thạch Khóa, Thanh Sơn, Phú Thọ	30.000.000	3.000.000	27.000.000
29	Nguyễn Thị Huế	thôn Mỗ Đoạn, xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	30.000.000	3.000.000	27.000.000
30	Nguyễn Thị Bốn	Tổ 43 cụm 7 phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	3.500.000	350.000	3.150.000
31	Nguyễn Thị Mười	Số 6, phố Hoài Thanh, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.085.000.000	108.500.000	976.500.000
		Tổng	**2.070.000.000**	**213.950.000**	**1.852.900.000**

Ghi nhận bị cáo Phạm Văn Đ đã nộp số tiền 650.300.000 đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 2/8/2023, Công an T chuyển vào tài khoản 3949.0.152728.00000 của Cục thi hành án dân sự TP. Hà Nội mở tại Kho bạc Nhà nước quận H), để khắc phục thiệt hại được đối trừ, bị cáo còn phải nộp số tiền 1.202.600.000đ.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] **Về án phí**: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 48.078.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt đ-ược quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án đ-ược thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự ng-ười phải thi hành án dân sự, ng-ười đ-ược thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cư-ỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Thủy